

Bản án số: **147 /2017/HSPT**

Ngày 13 - 12 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Vui

Các thẩm phán:

Ông Trương Văn Tâm

Ông Đoàn Ngọc Thiện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lá – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:*** Ông Huỳnh Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2017/HSPT ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh M, Trịnh Minh L và Trần Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh M, sinh năm 1988 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: A34, tổ 3, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; cha: Nguyễn Văn C; mẹ: Nguyễn Thị X; vợ: Nguyễn Hoàng Hồng P; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 13/11/2015 đến ngày 17/03/2016 được tại ngoại (có mặt).

2. Trần Văn T, sinh năm 1994 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; HKTT: Tổ 9, ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học văn hóa: 9/12; cha: Trần Văn N (đã chết); mẹ: Vũ Thị T;

Tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số: 124/2017/HS-PT ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã phạt Trần Văn T 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến ngày 21/6/2017 (bị cáo chưa chấp hành bản án này)

Bị bắt ngày 13/11/2015 đến ngày 17/3/2016 được tại ngoại (có mặt).

3. Trịnh Minh L, sinh năm 1981 tại tỉnh Hà Nam; HKTT: Tổ 1/76 Ô 1, Khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; cha: Trịnh

Minh T (đã chết); mẹ: Dương Thị N; vợ: Hoàng Thị H; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại không có kháng cáo:

1/ Ông Nguyễn Nhật T - Sinh năm 1980

Trú tại: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh N.

2/ Ông Nguyễn Công T - Sinh năm 1956

Trú tại: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:

1/ Hoa Kim C - Sinh năm 1971.

Trú tại: 922 T, phường 5, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Nguyễn Hoàng Hồng P - Sinh năm 1990.

Trú tại: 52B/3 ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/ Trần Văn C - Sinh năm 1973.

Trú tại: Số 99 tổ 17, ấp V, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bà Rịa và bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh M và Nguyễn Nhật T có quan hệ quen biết với nhau từ trước. Do Nguyễn Nhật T còn thiếu nợ M một số tiền nên chiều ngày 11/11/2015, khi M điều khiển xe ô tô biển số 72A – 126.76 chở theo Trần Văn T, Lê Văn V và Trịnh Minh L sang Vũng Tàu chơi, đến quán cà phê VL trên đường Đ, thành phố Vũng Tàu thì tình cờ gặp Nguyễn Nhật T và Đoàn Minh T đang uống cà phê tại đây. M cùng T, V, L đi vào bàn Nguyễn Nhật T đang ngồi uống cà phê, M hỏi Nguyễn Nhật T về số tiền nợ chưa trả, Nguyễn Nhật T nói chưa có tiền nên M yêu cầu Nguyễn Nhật T phải lên xe ô tô đi theo nhóm của M về thị trấn Long Hải để tìm người trả nợ thay cho Nguyễn Nhật T. Do thấy nhóm của M đông người, sợ bị đánh nên Nguyễn Nhật T buộc phải lên xe ô tô của M. M cùng cả bọn chở Nguyễn Nhật T đến quán cà phê “Só” thuộc ấp L, xã H, huyện Đ. Sau đó tiếp tục chở Nguyễn Nhật T đi ăn uống, đến khoảng 23 giờ cùng ngày T chở Nguyễn Nhật T về quán cà phê của L. Khoảng 1 giờ sáng ngày 12/11/2015, M gọi điện cho T yêu cầu T đến nhà L chở Nguyễn Nhật T đến nhà nghỉ H tại thị trấn H, huyện Đ ngủ và giao nhiệm vụ cho T trực tiếp canh giữ, trông coi Nguyễn Nhật T, nếu Nguyễn Nhật T đi đâu thì T phải đi theo đó, không được để Nguyễn Nhật T bỏ trốn. Trong thời gian giữ Nguyễn Nhật T, M trực tiếp gọi điện thoại liên lạc với ông Nguyễn Công T (cha ruột của Nguyễn Nhật T) để thông báo về việc M đang bắt giữ Nguyễn Nhật T và yêu cầu ông Nguyễn Công T trả nợ thay cho Nguyễn Nhật T số tiền là 270.000.000 đồng.

Chiều ngày 12/11/2015, theo yêu cầu của M, T và V tiếp tục chở Nguyễn Nhật T từ nhà nghỉ H đến quán 97 thuộc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu để

nhậu. Tại đây, V lắp sim điện thoại buộc Nguyễn Nhật T liên lạc với ông Nguyễn Công T để V trực tiếp nói chuyện và yêu cầu ông Nguyễn Công T trả nợ thay Nguyễn Nhật T. Lo sợ Nguyễn Nhật T sẽ bị nhóm của M xâm hại tính mạng, sức khỏe nên ông Nguyễn Công T đã liên hệ với M thỏa thuận sẽ trả trước cho M số tiền 50.000.000 đồng và được M đồng ý. M hẹn gặp ông Nguyễn Công T tại ngã ba V thuộc xã H, huyện Đ để giao nhận tiền và thả Nguyễn Nhật T ra. Sau đó, T, V tiếp tục chờ Nguyễn Nhật T đến quán nhậu Trúc Phương gặp M và L. L có khuyên bảo M nên thả Nguyễn Nhật T ra do đã bắt Nguyễn Nhật T quá 24 tiếng là vi phạm pháp luật nhưng M không đồng ý.

Riêng ông Nguyễn Công T sau khi đã thỏa thuận được với M, ông Nguyễn Công T gọi điện cho bà Hoa Kim C (là cháu họ của ông Nguyễn Công T) hỏi mượn 50.000.000 đồng để đưa cho M chuộc Nguyễn Nhật T về. Khoảng 21 giờ ngày 12/11/2015 ông Nguyễn Công T, bà Cúc cùng với Nguyễn Nhật T và Nguyễn Nhật T1 (em ruột của Nguyễn Nhật T), Phạm Việt A xuống địa điểm đã hẹn để gặp M giao tiền nhưng do nhóm của M đợi lâu và nghi ngờ ông Nguyễn Công T báo Công an nên M đã không ra gặp ông Nguyễn Công T tại địa điểm đã hẹn mà tiếp tục hẹn ông Nguyễn Công T giao tiền chuộc Nguyễn Nhật T vào ngày hôm sau 13/11/2015. Do không gặp được M nên ông Nguyễn Công T quay về nhà ở Đồng Nai, còn bà Cúc và Nguyễn Nhật T, T1, A thuê nhà nghỉ ở lại thành phố Bà Rịa để chờ sáng hôm sau sẽ gặp M giao tiền và chuộc Nguyễn Nhật T về.

Khi đến quán nhậu P thì T về nhà, Nguyễn Nhật T ở lại với M và L, sau khi nhậu xong L tiếp tục đưa Nguyễn Nhật T về nhà mình. Đến khoảng 21 giờ do sợ bị công an phát hiện, M gọi điện yêu cầu T đến nhà L chờ Nguyễn Nhật T đi nơi khác an toàn để ngủ và canh giữ Nguyễn Nhật T. Sau đó, T đã gọi điện cho Nguyễn Hoàng Lê V, Nguyễn Bá T và Nguyễn Văn H đi cùng với T và Nguyễn Nhật T lên thành phố Bà Rịa thuê nhà nghỉ H do anh Phạm Duy P làm chủ để ngủ qua đêm. Mục đích T gọi V, Nguyễn Bá T, H đi cùng để Nguyễn Nhật T thấy có nhiều người sợ không dám bỏ trốn, nhưng T không nói cho V, Nguyễn Bá T, H biết là M đang bắt giữ Nguyễn Nhật T.

Sáng ngày 13/11/2015, M trực tiếp gọi điện thoại cho bà C để thỏa thuận giao nhận tiền và thả Nguyễn Nhật T tại quán cà phê Vilamast - số 131 Đ, phường T, thành phố Bà Rịa. Lúc này, V, Nguyễn Bá T, H đã về nhà trước không đi cùng M và T ra gặp bà C. Trong lúc M và T đang nhận số tiền 50.000.000đ từ bà C và giao trả Nguyễn Nhật T thì bị lực lượng Công an huyện Long Điền phối hợp với Công an phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm: 01 xe ô tô biển số 72A – 126.76; 01 xe mô tô hiệu Honda Click biển số 72K1-035.78; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 091559/2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 050048/0; 01 còng số 8 và số tiền 50.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Minh L khai nhận: L biết rõ M bắt giữ Nguyễn Nhật T với mục đích chờ gia đình Nguyễn Nhật T giao tiền chuộc nhưng vẫn đồng ý để Nguyễn Nhật T ở nhà mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh M và Trần Văn T

phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh M 03 năm tù. Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 năm 06 tháng tù.

Ngày 05/10/2016, Nguyễn Thanh M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 171/2016/HSST ngày 14/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh M, Trần Văn T và Trịnh Minh L phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

1/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh M 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2015 đến ngày 17/3/2016.

2/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2015 đến ngày 17/3/2016.

3/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; điểm a, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh L 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/9/2017, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Thanh M và Trịnh Minh L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; đã khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và gia đình bị hại cũng có đơn xin bãi nại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội.

Qua xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

- Các bị cáo Nguyễn Thanh M và Trần Văn T, quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã vận dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo này. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không cung cấp chứng cứ nào mới; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y mức án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Thanh M và bị cáo Trần Văn T.

Tuy nhiên, đối với bị cáo Trịnh Minh L: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm nêu, xét thấy bị cáo L đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bản thân có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xử án chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo L, cho bị cáo L được hưởng án treo, giao về địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án, các hành vi, Quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cấp sơ thẩm đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn giải quyết sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh M, Trần Văn T và Trịnh Minh L gửi trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung vụ án và tội danh*: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xử án phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

Do Nguyễn Nhật Nguyễn Nhật T nợ Nguyễn Thanh M số tiền 270.000.000đ, nên chiều ngày 11/11/2015, tại quán cà phê VL (Số 205, đường Đ, phường 3, thành phố Vũng Tàu), Nguyễn Thanh M, Trần Văn T, Lê Văn V và Trịnh Minh L đã có hành vi ép buộc Nguyễn Nhật T lên xe ô tô (do M điều khiển) chạy về thị trấn H, huyện Đ, với mục đích buộc Nguyễn Nhật T phải trả nợ. Sau khi biết Nguyễn Nhật T không có khả năng trả nợ, thì cả bọn thay nhau trông coi, khống chế, đưa Nguyễn Nhật T đi nhiều nơi nhằm tránh sự phát hiện của Công an, đồng thời canh giữ không cho Nguyễn Nhật T bỏ trốn nhằm mục đích đe dọa buộc gia đình của Nguyễn Nhật T trả nợ thay cho Nguyễn Nhật T. Chính bị cáo Nguyễn Thanh M đã liên lạc với ông Nguyễn Công Nguyễn Công T (là cha ruột của

Nguyễn Nhật T) yêu cầu phải mang tiền đến chuộc Nguyễn Nhật T. Ngày 13/11/2015 tại quán cà phê Vilamast ở 131 Đ, phường T, thành phố R, Nguyễn Thanh M và Trần Văn T bị bắt quả tang khi đang nhận số tiền 50.000.000 đồng từ gia đình bị hại.

Xét tính chất và mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân và quyền sở hữu tài sản, ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa xét xử các bị cáo về tội: “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo thì thấy:*

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh M: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thanh M là người rủ rôi, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Thanh M ngoài việc trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo còn phân công các bị cáo khác trong việc trông coi, quản lý không cho Nguyễn Nhật T bỏ trốn. Đồng thời, quá trình bắt giữ Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh M cũng là người thường xuyên điện thoại liên lạc với các đồng phạm khác nhằm chỉ đạo cho họ thay đổi nhiều địa điểm khác nhau nhằm tránh sự phát hiện của Công an. Từ đó, án sơ thẩm xác định bị cáo M phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án là phù hợp.

Tuy nhiên, xét mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Xuất phát từ việc bị hại nợ bị cáo tiền mà không có khả năng chi trả, hứa hẹn nhiều lần, gây tâm lý bức xúc, là nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội. Bản thân bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại cũng có đơn yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần xem xét thêm những tình tiết này mà giảm nhẹ một phần hình phạt cho Nguyễn Thanh M. Từ đó, Hội đồng xử án thống nhất chỉ xét giảm hình phạt cho bị cáo mà không chấp nhận cho Nguyễn Thanh M được hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Trần Văn T: Trong quá trình thực hiện tội phạm, Trần Văn T là người thực hành rất tích cực. Ngoài việc trực tiếp canh giữ Nguyễn Nhật T, Trần Văn T còn chấp hành tuyệt đối theo sự chỉ đạo của M là đưa Nguyễn Nhật T đến nhiều địa điểm khác nhau nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Đồng thời, để tạo áp lực cho Nguyễn Nhật T, nhằm khống chế tinh thần của bị hại làm cho bị hại không dám bỏ trốn, T đã rủ rôi nhiều đối tượng khác đến tham gia ăn nhậu, ngủ chung. Khi bị bắt quả tang, T là người trực tiếp giữ số tiền 50.000.000 đồng do M giao.

Mặc dù khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức án

04 năm tù mà án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nghiêm khắc. Bản thân bị cáo với vai trò thứ yếu, thụ động, tuân theo sự điều khiển của Nguyễn Thanh M. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xét giảm hình phạt cho Trần Văn T là phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

- Đối với bị cáo Trịnh Minh L: Mặc dù biết rõ hành vi phạm tội của M, bị cáo L có khuyên can nhưng không quyết liệt. Bên cạnh đó, L còn giúp sức cho M trong việc đưa Nguyễn Nhật T về nhà lúc khi không có ai trông giữ Nguyễn Nhật T. Do đó án sơ thẩm xác định vai trò của L trong vụ án này là đồng phạm giúp sức cho các bị cáo khác hoàn thành tội phạm là hợp lý.

Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội với vai trò mờ nhạt, không rõ ràng, vì cả nê bạn bè nên lúc đầu có khuyên can và yêu cầu M thả Nguyễn Nhật T, nhưng sau đó lại giúp sức cho M phạm tội. Mức án 30 tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo L là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Chính vì thế cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm vận dụng, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo nên chấp nhận theo yêu cầu của bị cáo Trịnh Minh L.

Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà Nguyễn Thanh M, Trần Văn T và Trịnh Minh L thực hiện, Hội đồng xử án thống nhất áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất mà khung hình phạt quy định.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thanh M; Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh M và bị cáo Trần Văn T; Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trịnh Minh L. Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 71/2017/HSST ngày 21/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Thanh M, Trần Văn T và Trịnh Minh L** phạm tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”.

1/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; các điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh M 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2015 đến ngày 17/3/2016.

2/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T 03 (ba) năm tù**. Cộng với 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù của Bản án hình sự phúc thẩm số: 124/2017/HS-PT ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án, buộc Trần Văn T phải chấp hành là **06 (sáu) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2015 đến ngày 17/3/2016.

3/ Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 134; điểm a, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trịnh Minh L 24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 13/12/2017.

Giao bị cáo Trịnh Minh L về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là UBND Thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo Trịnh Minh L thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/12/2017).

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PV 27 Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh BR-VT;
- Tòa án nhân dân Tp. Bà Rịa;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Bà Rịa;
- Công an Tp. Bà Rịa;
- Chi cục THADS Tp. Bà Rịa;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Vui

